

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/06/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK16+TD5	7:25	12+0	0+0		5+17	0+0	
2		P6+TD2	7:25	0+15	0+0+0		2+20	0+0+0	
3		PPD+TD1	7:25	7+13	0+0		6+16	0+0	
4		P9+BK15+TD5	7:25	8+9+0	0+0+0		0+8+14	0+0+0	
5		VSP02+CTK3	9:25	3+19	0+0		0+22	0+0	
6		PPD	9:25	21	0		22	0	
7		GTCl+BK8+CTK3	9:25	10+1+10	0+0+0		8+3+11	0+0+0	chuyen 1 bk8- ctk3
8		AMD+TD2	9:25	22+0	0+0		16+6	0+0	
9		T.UNG	10:25	17	0		17	0	
10		CTCl+RP3	11:25	4+14	0+0		4+17	0+0	
11		BK5+BK6+CTK3	11:25	1+0+11	0+0+0		10+0+12	0+0+0	chuyen 1 bk5- bk6

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2024	TO: BK16 - TD5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN KHANG	BK16	44-45	2	17		75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO KIM CUƠNG	BK16	46	1	2		58	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ MINH THĂNG	BK16	56	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU ĐỨC TUẤN	BK16	48-49	2	7		85	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM TIẾN DŨNG	BK16	47	1	10		71	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH DANH	BK16	50-51	2	11		53	CODIEN	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN ĐỊNH	BK16	52	1	13	30	65	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ QUANG HUNG	BK16	55	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
9	HỒ THẾ ANH	BK16	59-60	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN QUANG	BK16	53-54	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH THÀNH	BK16	57-58	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
12	PHAN TIẾN CUƠNG	BK16	43	1	3		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	12	18	128	805	30	5		
2	TD5	0	0	0	0	70	17		
TOTAL		12	18	128	805	100	22		
WEIGHT KG				128	805	100			

GRAND TOAL: 1.033 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2024	TO: P6 - TD2	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cường - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	07	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	06	1	7		78	KHOAN	Vietnamese
3	PHAN TUÂN ANH	TD2	09	1	13		87	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM LÊ NAM	TD2	03	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM THÈ CHUYỀN	TD2	05	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
6	DƯƠNG HAI BĂNG	TD2	02	1	10		89	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ HAI SƠN	TD2	700	1	7		84	KHOAN	Vietnamese
8	HỒ CHÍ CÔNG	TD2	01	1	5		82	KHOAN	Vietnamese
9	MAI ĐỨC THÂN	TD2	14	1	6		69	KHOAN	Vietnamese
10	BUI SY TRUONG	TD2	08	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
11	HỒ THANH QUANG	TD2	10	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
12	HÀ THANH TÙNG	TD2	12-13	2	12		87	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN THÀNH	TD2	11	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
14	MAI HAI LONG	TD2	15	1	5	55	72	D-HANH	Vietnamese
15	VÔ THANH NHẬT	TD2	04	1	10		79	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	0	0	0	0	15	2		
2	TD2	15	16	106	1.153	55	20		
TOTAL		15	16	106	1.153	70	22		
WEIGHT KG				106	1.153	70			

GRAND TOAL: 1.329 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2024	TO: PPD - TD1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - HIẾU	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN BÁC	PPD	99	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
2	NGO VIỆT ANH	PPD	98	1	4	50	80	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẠO MẠNH HUY	PPD	92	1	6		88	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HOANG	PPD	93	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN SƠN	PPD	90-91	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN QUỐC HIẾU	PPD	97	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN KHÁC LAM	PPD	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KHUÊ	PPD	94-95	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ TRỌNG LƯỢNG	TD1	75	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VĂN NAM	TD1	79	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ QUỐC BẢO	TD1	76	1	3	20	70	KHOAN	Vietnamese
12	MAI VĂN HỘI	TD1	74	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH VĂN TRỌNG	TD1	70	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG ANH TUÂN	TD1	67-68	2	7		80	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TUÂN ANH	TD1	65	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
16	TRẦN HỮU SƠN	TD1	77-78	2	8		67	KHOAN	Vietnamese
17	VÔ TẠ HOANG ANH	TD1	66	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐĂNG LAM	TD1	71	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỞNG DƯƠNG	TD1	69	1	4		92	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG KIẾN	TD1	72-73	2	12		74	KHOAN	Vietnamese
21	BUI BẠCH DƯƠNG	TD1	64	1	12	44	65	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	8	10	54	573	50	6		
2	TD1	13	16	82	939	64	16		
TOTAL		21	26	136	1.512	114	22		
WEIGHT KG				136	1.512	114			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:45
FLIGHT: 4	TO: P9 - BK15 - TD5	CREW: ĐỨC - KHẢI - ĐANG	ETA: 09:35
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN TÂN	P9	60	1	5		89	XAYLAP	Vietnamese
2	PHẠM VIỆT HỮU	P9	59	1	17		59	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN TRỌNG	P9	61-62	2	18		78	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ VĂN THANH	P9	65	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
5	HỒ VĂN DUYỆT	P9	66-67	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM VĂN TỰ	P9	68-69	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	P9	63-64	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
8	NINH VĂN SƠN	P9	57-58	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG ĐÌNH VINH	BK15	60	1	8	18	62	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI NGOC TUAN	BK15	54-55	2	11		66	XAYLAP	Vietnamese
11	CAO VĂN HUYỀN	BK15	61-62	2	16		77	XAYLAP	Vietnamese
12	HÀ MẠNH HÙNG	BK15	52-53	2	12		62	XAYLAP	Vietnamese
13	TRINH ĐÌNH THANH	BK15	58	1	10	16	53	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN CẢNH CHUNG	BK15	50	1	13		49	XAYLAP	Vietnamese
15	HÀN CÔNG VIỆN	BK15	63	1	28	20	75	XAYLAP	Vietnamese
16	HỒ NGHĨA DŨNG	BK15	56-57	2	20		75	XAYLAP	Vietnamese
17	VŨ ĐẠI ĐÌNH	BK15	51	1	5		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P9	8	13	127	566	0	0		
2	BK15	9	13	123	584	54	8		
3	TD5	0	0	0	0	0	14		
TOTAL		17	26	250	1.150	54	22		
WEIGHT KG				250	1.150	54			

GRAND TOAL: 1.454 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2024	TO: VSP02 - CTK3	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - PTUẤN	ETA: 11:40
XANH-2.			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	74	1	6		82	D-HANH	Vietnamese
2	TRỊNH ĐẶC MINH	VSP02	75	1	5		78	D-HANH	Vietnamese
3	SABITOV A.	VSP02					79	KH-THAC	Russian
4	TRẦN KÝ TUẤN	CTK3	30	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
5	MIRSAIPOV R.	CTK3	46	1	5		105	KH-THAC	Russian
6	NGUYỄN QUANG VINH	CTK3	44	1	5		101	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI HUU HUÂN	CTK3	45	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
8	LUYỆN VĂN THIỆU	CTK3	37	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3	34	1	4		72	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG LINH	CTK3	43	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ CÔNG KHANG	CTK3	42	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN DŨ	CTK3	39	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG ANH	CTK3	38	1	4		50	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN DŨNG	CTK3	31	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN BA HUỆ	CTK3	33	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH CHUNG	CTK3				90	70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHÙNG ĐÌNH HAI	CTK3	36	1	6		83	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	41	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐAM VĂN THÀNH	CTK3	35	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
20	PHẠM THANH QUANG	CTK3	40	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN SƠN HÀ	CTK3	29	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN NGHĨA TÍN	CTK3	32	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	3	2	11	239	0	0		+1 NB ĐI CTK3: NGUYEN TRI TIN
2	CTK3	19	18	99	1.398	90	22	+	+1 NB VỀ GHE PHU
TOTAL		22	20	110	1.637	90	22		
WEIGHT KG				110	1.637	90			

GRAND TOAL: 1.837 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2024	TO: PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.Cường - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG XUÂN HAI	PPD	34	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO HỮU NAM	PPD	29	1	12	13	70	KH-THAC	Vietnamese
3	VU ĐỨC TON	PPD	42	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MẠNH THĂNG	PPD	39	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
5	LƯƠNG VĂN TĂNG	PPD	33	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	DƯƠNG ĐẠI THĂNG	PPD	32	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ QUỐC THỊNH	PPD	36	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN HOAI BAO	PPD	35	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM THANH KIM	PPD	31	1	7	27	67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	38	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	43	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN NGỌC LƯU	PPD	48	1	5		75	PSV	Vietnamese
13	BUI XUÂN ĐIỆP	PPD	45	1	10		65	PSV	Vietnamese
14	PHẠM VIỆT HOÀNG	PPD	41	1	4		53	PSV	Vietnamese
15	LÊ TIẾN LỢI	PPD	47	1	7		69	PSV	Vietnamese
16	VU THẾ LIÊN	PPD	44	1	8		68	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN THAI PHƯỚC TRUNG	PPD	37	1	5		61	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG TÂN NGHĨA	PPD	40	1	5		66	PSV	Vietnamese
19	TRẦN VĂN THUẬT	PPD	46	1	4		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	19	19	123	1.265	40	22		
TOTAL		19	19	123	1.265	40	22		
WEIGHT KG				123	1.265	40			

GRAND TOAL: 1.428 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2024	TO: GTC1 - BK8 - CTK3	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:05
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHÁI - ĐANG	ETA: 11:55
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN BA LINH	GTC1	90	1	13	15	61	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM XUAN VINH PHUC	GTC1	89	1	8	20	71	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN VAN HUNG	GTC1					82	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN HUU TRUNG	GTC1	94	1	13		79	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAM VAN TUYEN	GTC1					69	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN CUONG	GTC1	95	1	10	17	65	KH-THAC	Vietnamese
7	DOAN VIET DONG	GTC1	88	1	14	26	72	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN CONG THANH	GTC1	86-87	2	22		72	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN HUU LONG	GTC1	92-93	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
10	KIEU VAN TUAN	GTC1	91	1	6		78	PSV	Vietnamese
11	BUI ĐAC CANH	BK8	27	1	3	18	67	PSV	Vietnamese
12	NGO QUANG THANG	CTK3	46	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TIEN DAT	CTK3	49	1	20		85	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN VAN KHUONG	CTK3	52	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN MINH KHOI	CTK3	45	1	18		70	KH-THAC	Vietnamese
16	VU BAO AN	CTK3	47	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	VU HUU HA	CTK3	50-51	2	10		66	KH-THAC	Vietnamese
18	DO HUU DUC	CTK3	44	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
19	PHAN TAT THANG	CTK3	48	1	2		63	YTE	Vietnamese
20	PHAN DO CHAU TUAN	CTK3	55-56	2	22		115	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	GTC1	10	10	103	719	78	8		CHUYEN 1 PAX BK8-CTK3
2	BK8	1	1	3	67	18	3	1	
3	CTK3	9	11	103	723	0	11		
TOTAL		20	22	209	1.509	96	22		
WEIGHT KG				209	1.509	96			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2024	TO: AMD - TD2	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - HIẾU	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	RAGUNATHAN SELVARAJAN	AMD	44-45	2	12		84	BAB	Malaysian
2	DANISH AMIRUN AMIR	AMD	67-68	2	16		81	BAB	Malaysian
3	MUHAMMAD SANUSI BIN AWANG	AMD	65-66	2	13		79	BAB	Malaysian
4	CAO DUC CUONG	AMD	55	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN GIA DINH	AMD	50-51	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN LE HOA	AMD	46	1	8		63	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN XUAN PHUONG	AMD	47-48	2	9		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN ANH KHOA	AMD	49	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAM NGOC TUAN	AMD	57	1	3		57	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN VIET	AMD	70	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HIEU	AMD	64	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN DUC THIEN	AMD	69	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH PHUC AM	AMD	56	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN TRONG TUAN	AMD	54	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
15	LE PHAN NGOC CHAU	AMD	58-59	2	10		88	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN MANH HUNG	AMD	62-63	2	17		82	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SON	AMD	53	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN CONG LUAT	AMD	41	1	15	10	74	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN DOANH	AMD	60-61	2	10		64	PSV	Vietnamese
20	HOANG TRUNG DUC	AMD	40	1	6		80	PSV	Vietnamese
21	NGUYEN THANH BINH	AMD	43	1	12		69	NHATHAU	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	21	29	191	1.499	10	16		
2	TD2	0	0	0	0	12	6		
TOTAL		21	29	191	1.499	22	22		
WEIGHT KG				191	1.499	22			

GRAND TOAL: 1.712 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2024	TO: T.UNG	AIRCRAFT: 618	ETD: 10:30
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Nam - VLinH	ETA: 13:40
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU DUC THIEN	T.UNG	55-56	2	11		65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN DUAN	T.UNG	99,800	2	11		65	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYEN CHIEN THANG	T.UNG	76	1	5	40	65	ANTOAN	Vietnamese
4	NGUYEN VAN BAO	T.UNG	84	1	8		63	ANTOAN	Vietnamese
5	VU VAN DUC	T.UNG	74-75	2	12		66	ANTOAN	Vietnamese
6	KHUONG THANH DUONG	T.UNG	92	1	12		68	ANTOAN	Vietnamese
7	VU TAN HUU	T.UNG	83	1	20		64	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN QUOC VIET	T.UNG	85-86	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN VAN ANH	T.UNG	89-90	2	18		62	XAYLAP	Vietnamese
10	VU QUOC HUY	T.UNG	77-78	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
11	TRAN VAN Y	T.UNG	87-88	2	16		67	XAYLAP	Vietnamese
12	TRAN VAN KHANH	T.UNG	81-82	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG HUNG	T.UNG	95-96	2	15		61	XAYLAP	Vietnamese
14	HA DUC THANH	T.UNG	98	1	9		65	PSV	Vietnamese
15	DOAN DAC TUY	T.UNG	97	1	5		57	PSV	Vietnamese
16	LE NHO CANG	T.UNG	91	1	6		67	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN CHUONG	T.UNG	93	1	3		65	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN CONG TUYEN	T.UNG	79-80	2	18		65	XAY LAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	18	28	227	1.167	40	17		
TOTAL		18	28	227	1.167	40	17		
WEIGHT KG				227	1.167	40			

GRAND TOAL: 1.434 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2024	TO: CTC1 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TTrung - Sơn - Thành	ETA: 14:00
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM THÈ QUANG	CTC1	23	1	13		77	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN THANH LUÂN	CTC1	24	1	10		58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN QUY	CTC1	26	1	10	23	80	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN GIA CUÔNG	CTC1	25	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN VUI	RP3	18-19	2	15		62	XAYLAP	Vietnamese
6	CHU TIẾN CUÔNG	RP3	04-05	2	18		63	XAYLAP	Vietnamese
7	ĐẶNG HUY CẬN	RP3	01	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ QUANG HUY	RP3	10-11	2	20		50	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN KHANH	RP3	22	1	12		69	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐÀO QUỐC HÙNG	RP3	25-26	2	23		62	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN HỮU TOÀN	RP3	06-07	2	22		57	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN HỮU THIÊN	RP3	14-15	2	25		61	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI TRỌNG TRIU	RP3	20-21	2	23		67	XAYLAP	Vietnamese
14	HA HUU THAI	RP3	23-24	2	23		67	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN TIẾN ĐỀ	RP3	12-13	2	22		51	XAYLAP	Vietnamese
16	HÒA QUANG THẮNG	RP3	16-17	2	13		65	XAYLAP	Vietnamese
17	PHẠM TIẾN ĐẠT	RP3	02-03	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN THIÊN PHÚC	RP3	08-09	2	17		77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	4	4	42	280	23	4		
2	RP3	14	26	263	877	0	17		
TOTAL		18	30	305	1.157	23	21		
WEIGHT KG				305	1.157	23			

GRAND TOAL: 1.485 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/06/2024	TO: BK5 - BK6 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:15
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: QViệt - MTHAO - NNam	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	86	1	5	40	56	PSV	Vietnamese
2	NGO LAI THICH	CTK3	11-12	2	20	17	82	XAYLAP	Vietnamese
3	VU TUAN ANH	CTK3	13	1	10	20	75	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG XUÂN TRƯỜNG	CTK3	15	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN TỰ	CTK3	18	1	6	60	58	PSV	Vietnamese
6	ĐO ĐẶNG THANH	CTK3	20	1	6		66	PSV	Vietnamese
7	LÊ ĐẶC NHA	CTK3	23	1	5		65	PSV	Vietnamese
8	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	21	1	5		68	PSV	Vietnamese
9	LÊ TUÂN VŨ	CTK3	19	1	5		98	PSV	Vietnamese
10	LÊ THANH TÙNG	CTK3	16	1	5		78	PSV	Vietnamese
11	LÊ DUY HAI	CTK3	22	1	3		75	PSV	Vietnamese
12	TRẦN VĂN HOA	CTK3	17	1	5		69	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	1	1	5	56	40	10	1	CHUYEN 1 PAX BK5-BK6
2	BK6	0	0	0	0	0	0		
3	CTK3	11	12	80	789	97	12		
TOTAL		12	13	85	845	137	22		
WEIGHT KG				85	845	137			

GRAND TOAL: 1.067 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

PC lấy từ Manifest.

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 28/06/2024

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3+RP1	7:25	22+0	0+0		11+11	0+0	
2		TD2+RP2	7:25	14+8	0+0		10+12	0+0	
3		RP3	7:25	20	0		22	0	
4		RP1+TD3+RC4	7:25	15+1+5	0+0+0		9+7+6	0+0+0	chuyen 7 pax rp1-td3
5		VSP02+CTK3	9:25	19+0	0+0		14+8	0+0	
6		RP2+RC10+TD2	9:25	13+0+6	0+0+0		14+0+8	0+0+0	chuyen 1 rp2- rc10, 1 rp2-td2
7		P7+VSP02	9:25	4+15	0+0		1+21	0+0	
8		RP1+RC8	9:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
9		RP3	11:25	16	0		20	0	
10		TD3+RC6+RCDM	11:25	10+7+5	0+0+0		7+5+9	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày RC5(td3)-1ng;



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2024	TO: TD3 - RP1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: KHOÀN - MTHAO - Tú	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	TD3	62	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
2	KHÔNG QUỐC HÙNG	TD3	59	1	6		61	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD3	77	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN TRÚC TUYẾN	TD3	58	1	13		66	KHOAN	Vietnamese
5	VÕ NGUYỄN KHANG	TD3	75	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
6	DUY HOANG LONG	TD3	74	1	6		67	KHOAN	Vietnamese
7	FOK S.I.	TD3	82	1	8		120	KHOAN	Russian
8	VU TRUONG NAM	TD3	70	1	4		62	KHOAN	Vietnamese
9	VLASOV ALEKSANDR	TD3	57	1	10		93	KHOAN	Russian
10	NGUYỄN VĂN SƠN	TD3	60-61	2	16		71	YTE	Vietnamese
11	PHẠM DUY CHUNG	TD3	63	1	3		67	DK9	Vietnamese
12	LÊ NGỌC BÌNH	TD3	64	1	9		82	KHOAN	Vietnamese
13	VU NGOC THANH	TD3	89-90	2	12		65	KHOAN	Vietnamese
14	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	79-81	3	12		69	KHOAN	Vietnamese
15	PHUNG VAN XUYEN	TD3	76	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	KURPASOV V.A	TD3					76	KH-THAC	Russian
17	DUONG MINH KHANH	TD3	65	1	9		60	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ VĂN TRUNG	TD3	78	1	7		84	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM HOANG TUNG	TD3	67,73	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	TD3	71-72	2	25		69	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH TUAN	TD3	68-69	2	18		74	KH-THAC	Vietnamese
22	VU NGOC TU	TD3	66	1	12	90	72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	28	204	1.620	90	11		
2	RP1	0	0	0	0	5	11		
TOTAL		22	28	204	1.620	95	22		
WEIGHT KG				204	1.620	95			

GRAND TOAL: 1.919 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2024	TO: TD2 - RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: QViệt - N.Cường - MQUÂN	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VANEEV DMITRIY	TD2	65	1	10	90	103	KHOAN	Russian
2	GROMOV SERGEY	TD2	66	1	12		84	KHOAN	Russian
3	NGUYEN MANH HOAN	TD2	693	1	2		58	KHOAN	Vietnamese
4	BUI HUU HONG	TD2					90	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN THANH TUYEN	TD2	99	1	6		81	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN THANH BINH	TD2	97	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
7	BUI TRUNG THO	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN THANH TUNG	TD2	98	1	4		57	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN SY HIEU	TD2	96	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
10	TRAN TRONG ANH	TD2	94	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	DO TRONG HAI	TD2	91-92	2	15		80	YTE	Vietnamese
12	TRINH HONG SON	TD2	95	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
13	PHAM VAN THANG	TD2	67	1	10		83	KHOAN	Vietnamese
14	LE PHU	TD2	93	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN BA LUONG	RP2				15	67	KHOAN	Vietnamese
16	TRAN QUOC TUAN	RP2	18	1	2		69	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN HUY HUNG	RP2	69	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
18	BUI NGOC LAM	RP2	17	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN TRONG THUY	RP2					67	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN XUAN	RP2	67	1	2		61	KHOAN	Vietnamese
21	VO VAN HUNG	RP2	70	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN TAN PHUOC	RP2	68	1	5		62	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	14	13	83	1.066	90	10		
2	RP2	8	6	23	538	15	12		
TOTAL		22	19	106	1.604	105	22		
WEIGHT KG				106	1.604	105			

GRAND TOAL: 1.815 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2024	TO: RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: VThắng - Sơn - THỤ	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VOEVODCHENKOV N.	RP3	39	1	5		98	KH-THAC	Russian
2	NGUYỄN THANH TRUNG	RP3	38	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM HỮU THẮNG	RP3	35-36	2	12		82	KH-THAC	Vietnamese
4	MAI NGỌC THIẾT	RP3	32	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN MINH	RP3	37	1	8	60	98	YTE	Vietnamese
6	PHẠM QUANG TRUNG	RP3	52	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẶNG VĂN THANH	RP3	33-34	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI ANH SƠN	RP3	27	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯƠNG QUANG THƯƠNG	RP3	30-31	2	8		68	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VAN HIEN	RP3	46	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TỬ HAI	RP3					69	KH-THAC	Vietnamese
12	TRƯỜNG VĂN THƯƠNG	RP3	41-42	2	13		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TẤT THÀNH	RP3	45	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN ANH	RP3	44	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẦN THANH CÔNG	RP3	28	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
16	BUI ĐỨC THUẬN	RP3	43	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3	47-48	2	10		85	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	29	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TIỀN	RP3	40	1	8		69	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG XUÂN HUNG	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	23	141	1.458	60	22		
TOTAL		20	23	141	1.458	60	22		
WEIGHT KG				141	1.458	60			

GRAND TOAL: 1.659 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Lưu VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:43
FLIGHT: 04	TO: RP1 - TD3 - RC4	CREW: ĐỨC - KHẢI - ĐANG	ETA: 09:35
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LY XUÂN TRUNG	RP1	58-59	2	20	15	70	YTE	Vietnamese
2	ĐÀO QUYẾT THẮNG	RP1	55	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
3	KOROGLUEV RAMIL	RP1	47	1	5		77	KH-THAC	Russian
4	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					75	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VIỆT THANH	RP1					74	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	52	1	10		86	KH-THAC	Vietnamese
7	TAO QUANG NGÂN	RP1					61	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN PHI KHAI HOÀN	RP1	50	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	51	1	3		82	KH - THAC	Vietnamese
10	TRẦN MINH HIẾU	RP1					57	KH-THAC	Vietnamese
11	PHƯƠNG VĂN MINH	RP1	49	1	9		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	48	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN BÁC HÀ	RP1	56	1	8		59	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	53	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐÌNH VĂN MẠNH	RP1	54	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC KHÔI	TD3	91	1	15		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	10	1	8	25	62	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG VĂN TÙNG	RC4	13	1	5	60	75	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐẶNG MINH DUNG	RC4					75	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ HAI ANH	RC4	12	1	16		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN THẾ HUY	RC4	11	1	12		75	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	15	12	86	1.102	15	9	7	CHUYEN 7 PAX TU RP1 SANG TD3
2	TD3	1	1	15	67	0	7		
3	RC4	5	4	41	359	85	6		
TOTAL		21	17	142	1.528	100	22		
WEIGHT KG				142	1.528	100			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2024	TO: VSP02 - CTK3	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: XHOÀN - MTHAO - Tú	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	YANDYAN E	VSP02	85-86	2	21	4	87	KH-THAC	Russian
2	ĐO QUANG HUNG	VSP02	29-30	2	13		68	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC THẠCH	VSP02	40	1	10		57	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH TRƯỞNG PHI	VSP02	38	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN GIA LONG	VSP02					75	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH LÊ	VSP02	66	1	5		65	YTE	Vietnamese
7	BUI MINH QUÂN	VSP02	32	1	17		76	KH-THAC	Vietnamese
8	NGÔ CÔNG HUY	VSP02	36	1	14		62	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN LÊ MINH TUÂN	VSP02	44	1	15		100	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐANG VIỆT THANH	VSP02	43	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐINH THẾ ANH	VSP02	39	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	33	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐANG NHẬT MINH	VSP02	34-35	2	7		83	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN MINH TUÂN THỊNH	VSP02	45	1	9		99	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	31	1	5		79	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	27	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	HOÀNG NGỌC ĐÔNG	VSP02	87	1	7	27	77	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ XUÂN HUNG	VSP02	42	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGÔ ĐỨC TRI	VSP02	41	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	19	21	164	1.405	31	14		
2	CTK3	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		19	21	164	1.405	31	22		
WEIGHT KG				164	1.405	31			

GRAND TOAL: 1.600 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

ƯU VSP



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2024	TO: RP2 - RC10 - TD2	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:58
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHÁI - ĐANG	ETA: 11:55
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHUẤT QUANG KIẾN	RP2	62	1	7	60	68	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG HAO	RP2	65-66	2	13		88	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM ĐÌNH THUYẾT	RP2	56	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
4	PHAN TUẤN LONG	RP2	63-64	2	7		65	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU THĂNG	RP2	52-53	2	13		69	KHOAN	Vietnamese
6	HUYNH TRUNG NGHĨA	RP2	61	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN KHẮC SÁNG	RP2	58	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
8	CHU ĐỨC HÙNG	RP2	60	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN TUNG	RP2	59	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
10	ZHDANOV VLADIMIR	RP2	54	1	20		130	KHOAN	Russian
11	NGUYỄN QUANG TÂN	RP2	57	1	4		59	PSV	Vietnamese
12	VŨ VĂN PHÚC	RP2	55	1	4		53	PSV	Vietnamese
13	ĐO TIẾN DŨNG	TD2	80	1	7		57	DVL	Vietnamese
14	TRẦN VĂN GIANG	TD2	79	1	6		72	DVL	Vietnamese
15	TRƯƠNG MINH KHANH	TD2	78	1	13		74	DVL	Vietnamese
16	VŨ VĂN NAM	TD2	76	1	15		70	DVL	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN NAM.	TD2	77	1	15		72	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	12	15	93	873	60	14	2	CHUYEN 1 PAX RP2-RC10, & 1 PAX RP2-TD2
2	RC10	0	0	0	0	0	0		
3	TD2	5	5	56	345	0	8		
TOTAL		17	20	149	1.218	60	22		
WEIGHT KG				149	1.218	60			

GRAND TOAL: 1.427 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

[Signature]

[Signature]



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2024	TO: P7 - VSP02	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: CHIẾN - M.Đức - Q.Trường	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯƠNG THÈ VINH	P7	900	1	8		67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN QUÝ TÀI	P7	01-02	2	17		58	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ VĂN LINH	P7	03,35	2	19		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN TRỌNG SƠN	P7	98-99	2	16		79	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	83	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC HOÀN	VSP02	82	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM ĐỨC TÀI	VSP02	78	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	84	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	80	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	85	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	87	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG MINH	VSP02	77	1	5		84	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN CHIẾN THĂNG	VSP02	86	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG CƯỜNG	VSP02	89	1	3		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	88	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
16	LẠI MINH HOÀNG	VSP02	91-92	2	16		80	CODIEN	Vietnamese
17	VŨ ĐÌNH NAM	VSP02	76	1	8		69	CODIEN	Vietnamese
18	LÊ BÀ TÚ	VSP02	90	1	8		68	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	VSP02	79,81	2	9		75	ANTOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	4	7	60	274	0	1		
2	VSP02	15	17	94	1.102	0	21		
TOTAL		19	24	154	1.376	0	22		
WEIGHT KG				154	1.376	0			

GRAND TOAL: 1.530 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 28/06/2024	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:57
FLIGHT: 08	TO: RP1 - RC8	CREW: QViệt - N.Cường - MQUÂN	ETA: 11:50
VANG-2			

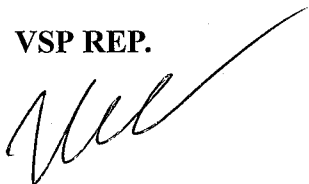
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG DINH BA	RP1	66	1	7		57	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM VAN THUY	RP1	62-63	2	9		62	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN LOI	RP1	72	1	11		64	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG VAN SUU	RP1					77	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN BA QUY	RP1	74	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
6	LE DUC THIEN	RP1	73	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN TRONG HIEU	RP1	70	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
8	LE NGOC DUNG	RP1	69	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH CONG	RP1					57	KH-THAC	Vietnamese
10	DO HOANG TRUNG DUC	RP1	80-81	2	20	10	67	T-TIN	Vietnamese
11	LE VAN LOI	RP1	75-77	3	17		55	T-TIN	Vietnamese
12	NGUYEN HUE	RP1	18-19	2	19		55	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN TUAN	RP1	68	1	3		76	PSV	Vietnamese
14	LE MINH HOAN	RP1	64	1	9		75	PSV	Vietnamese
15	TRAN HIEP	RP1	71	1	4		75	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN DUY QUYEN	RP1	83	1	5		70	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG PHUONG	RP1	67	1	5		65	PSV	Vietnamese
18	PHAM DINH VAN	RP1	65	1	5		79	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TAN PHONG	RC8	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	HUYNH VAN THUAN	RC8	95-96	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN THANH NAM	RC8					67	KH-THAC	Vietnamese
22	TO CONG TANH	RC8	93	1	3		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	18	21	136	1.195	10	18		
2	RC8	4	4	19	266	0	4		
TOTAL		22	25	155	1.461	10	22		
WEIGHT KG				155	1.461	10			

GRAND TOAL: 1.626 KGS

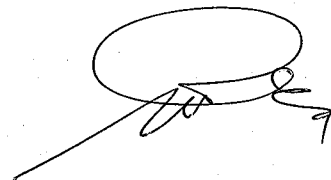
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2024	TO: RP3	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:10
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Dương - N.ANH - Vũ	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ DUY TIỀN	RP3	66	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ THANH LONG	RP3	56	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	57	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	64	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ THĂNG	RP3	65	1	12		88	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM THẾ PHONG	RP3	67	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC OANH	RP3					66	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH HÀ	RP3	60	1	4		64	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VY	RP3	54	1	5		70	PSV	Vietnamese
10	TRẦN THANH HAI	RP3	53	1	6		60	PSV	Vietnamese
11	LÊ MINH MINH	RP3	55	1	8		70	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	64	1	3		57	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN HUY	RP3	58	1	8		55	PSV	Vietnamese
14	ĐỖ QUANG KHAI	RP3	63	1	5		85	PSV	Vietnamese
15	PHAN VĂN HỒNG	RP3	62	1	8		64	PSV	Vietnamese
16	LÔ TRƯỞNG GIANG	RP3	59	1	9		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	15	103	1.129	0	20		
TOTAL		16	15	103	1.129	0	20		
WEIGHT KG				103	1.129	0			

GRAND TOAL: 1.232 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 28/06/2024	TO: TD3 - RC6 - RCDM	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: CHIẾN - M.Đức - Q.Trường	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TẠ HOÀI TRANG	TD3	94	1	10		77	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN VŨ QUỐC	TD3	92	1	8		62	DVL	Vietnamese
3	LÊ HOÀI THIÊN	TD3	93	1	5		77	DVL	Vietnamese
4	LÊ PHÚ PHÚC	TD3	09	1	7		82	DVL	Vietnamese
5	BUI TRUNG SƠN	TD3	95	1	5		72	PSV	Vietnamese
6	BELAIEV	TD3	91	1	13		82	KH-THAC	Russian
7	NGUYỄN AN NINH	TD3	54	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ THAI THANH	TD3	55-56	2	17		77	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ ANH TUẤN	TD3	08	1	12		72	KH-THAC	Vietnamese
10	LÊ ĐỨC HUY	TD3				35	67	T-TIN	Vietnamese
11	ĐO VĂN TÙNG	RC6	42	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN NGUYỄN XUÂN AN	RC6	44-45	2	18		67	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	41	1	6		77	KH-THAC	Vietnamese
14	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	RC6	43	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TIỀN HUY	RC6	46	1	12		85	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯƠNG THẾ HẢI	RC6	47	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VIỆT HA	RC6	40	1	9	20	76	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN DUY HÙNG	RCDM	73-74	2	10	20	73	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN TUẤN ANH	RCDM	68	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH VĂN CÔNG	RCDM	67	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN KIỂM BÁC	RCDM	69-71	3	25		72	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	72	1	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	10	10	88	738	35	7		
2	RC6	7	8	64	503	20	5		
3	RCDM	5	8	55	376	20	9		
TOTAL		22	26	207	1.617	75	21		
WEIGHT KG				207	1.617	75			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN